TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 06/2025/DS-GĐT
Ngày 06-3-2025
V/v *"Tranh chấp di sản thừa kế"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành viên tham gia xét xử gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Huy Đức

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tào và ông Nguyễn Tấn Long.

- Thư ký phiên tòa: bà Lưu Thị Hưởng - Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Trần Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm vụ án dân sự "*Tranh chấp di sản thừa kế",* giữa:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959; địa chỉ: Số D đường B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trịnh Anh H1 – Công ty TNHH T3 – Chi nhánh Đ1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: F, Tổ A, Ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1965; địa chỉ: Kiệt A đường N, Tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1: bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1997; địa chỉ: Số B đường B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền ngày 27/3/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T1: Luật sư Lê Võ Thanh H2 - Chi nhánh Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: Tầng E, tòa nhà S, số B đường B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1957; địa chỉ: 1 phố H, thành phố N, tỉnh Nam Định.

3.2. Ông Phùng Văn N; địa chỉ: Tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phùng Văn N: bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1997; địa chỉ: Số B đường B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền ngày 27/3/2024).

3.3. Bà Lưu Thị H3; địa chỉ: Tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

3.4. Ban giải phóng mặt bằng quận C, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Số D đường Ô, quận C, thành phố Đà Nẵng.

3.5. Ủy ban nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Số D đường Ô, quận C, thành phố Đà Nẵng.

3.6. Bà Đỗ Thị Kim C, sinh năm 1960; địa chỉ: F đường Q, Tổ A, Ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 05/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn M1 (chết 1981) và cụ Lê Thị Y (chết 1991) để lại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 12 nay là thửa đất số 110, tờ bản đồ số 51, diện tích 1.641,7m² tại tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Theo Bản án số: 70/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật công nhận toàn bộ thửa đất nêu trên là của cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Lê Thị Y. Cha mẹ ông có 05 người con là bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn L (chết 2010), có vợ là Lưu Thị Hiền . Ngoài ra, cha mẹ ông không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Năm 2017, thửa đất nêu trên thuộc Dự án Đường nối từ Hòa Thọ T đi KDC Phong B và bị thu hồi phần diện tích 984,9m². Theo Quyết định bố trí tái định cư thì phần diện tích thu hồi được bồi thường số tiền về đất là 1.369.216.730 đồng và bố trí 03 lô đất tái định cư trong đó có 02 lô đất tái định cư đường 15m Khu E2MR-Khu dân cư N và 01 lô đất tái định cư đường 7,5m Khu E2MR - Khu dân cư N cầu C. Diện tích đất còn lại là 656,8m². Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản của cha mẹ ông để lại gồm 03 lô đất tái định cư nêu trên, số tiền đền bù giải tỏa 1.369.216.730 đồng và diện tích đất còn lại 656,8m². Ông yêu cầu chia đều cho 05 chị em gồm bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn L (chết 2010, có vợ là Lưu Thị H3). Theo đó, ông đề nghị ông và bà T2 được nhận 01 lô đường 15m, ông T và bà T1 nhận 01 lô đường 15m, lô 7,5m còn lại ai là người thờ cúng ông bà thì được nhận. Đối với phần diện tích đất 656,8m² còn lại (đo đạc thực tế 664m^2) ông đề nghị chia đều bằng hiện vật cho 05 người. Đối với đề nghị của ông T, bà T1 về việc trích công sức đóng góp, duy trì, bảo quản khối tài sản cho bà Nguyễn Thị T1 30% khối di sản thì ông không đồng ý.

- Các bị đơn:

+ Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn H về hàng thừa kế của cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn M1, cụ Lê Thị Y. Đối với nguồn gốc tài sản: nguyên

trước đây cha mẹ ông có tổng diện tích 3.600m², năm 1986 và năm 1987, ông H đã bán cho ông Trần N1, bà Trần Thị D, ông Nguyễn Đức C1, bà Nguyễn Thị Ngọc L1 phần diện tích 2.000m². Phần diện tích còn lại ông và em gái ông là Nguyễn Thị T1 ở ổn định từ trước đến nay. Nay ông H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế ông không đồng ý vì ông H đã có phần trước đây. Phần diện tích đất này do ông và em gái ông đã sinh sống ổn định. Trong trường hợp chia thừa kế thì ông yêu cầu chia toàn bộ phần diện tích 3.600m² đất ông mới đồng ý và khi Tòa án chia thừa kế thì tính công sức đóng góp tôn tạo đất và thanh toán tiền bảo quản duy trì khối tài sản này cho bà Nguyễn Thị T1, vì bà T1 đã ở đây từ năm 1983, khai hoang, đóng thuế hợp tác xã, đến năm 1987, bà T1 làm nhà và được cấp đất ở như hiện nay. Do vậy công sức của bà Nguyễn Thị T1 rất lớn, đề nghị Tòa án trích 30% khối di sản thừa kế.

+ Bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Văn T. Ông Nguyễn Văn H không quan tâm gì đến cha mẹ. Đất của cha mẹ ông H đã bán cho người khác. Riêng thửa đất này bà và ông Nguyễn Văn T ở lo cho cha mẹ từ trước đến nay. Việc ông H về yêu cầu chia thừa kế là không thể chấp nhận được. Bà cũng thống nhất với ý kiến ông T, nếu chia thừa kế thì phải chia cả 2000m² ông H đã bán cho những người khác. Trong trường hợp Tòa án chia thừa kế thì tính công sức đóng góp tôn tạo đất và thanh toán tiền bảo quản, duy trì khối tài sản này cho bà, vì nguyên thửa đất này là đất màu, đất ruộng, năm 1983 bà đến đây ở thì mới khai hoang, kê khai thành đất ở và đóng thuế hợp tác xã. Đến năm 1987, bà làm nhà và được cấp đất ở như hiện nay, do vậy công sức của bà rất lớn nên bà đề nghị Tòa án trích phần công sức nhiều nhất có thể cho bà, đối với tỷ lệ bao nhiêu thì bà không đong đếm được. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà đề nghị HĐXX trích cho bà 50% công sức đóng góp tôn tạo đất và thanh toán tiền bảo quản, duy trì khối tài sản.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị T2 trình bày: bà xác nhận về hàng thừa kế như nguyên đơn, bị đơn trình bày là đúng. Về di sản thừa kế bà thống nhất theo lời khai của ông Nguyễn Văn H. Cha bà chết năm 1981, mẹ bà chết năm 1991, sau khi cha mẹ bà qua đời thì các em bà gồm Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn L sử dụng thửa đất này để ở từ đó đến nay. Tuy nhiên, đất này là của cha mẹ nên bà đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế di sản gồm 03 lô đất tái định cư, số tiền đền bù giải tỏa 1.369.216.730 đồng và diện tích đất còn lại 656,8m². Bà yêu cầu chia đều cho 05 người con của cha mẹ bà gồm bà, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn L (chết 2010, có vợ là Lưu Thị H3).

+ Ông Phùng Văn N trình bày: ông là chồng của bà Nguyễn Thị T1. Năm 1983, mẹ vợ ông là cụ Y có cho vợ chồng ông 01 thửa đất trong tổng diện tích đất của cha mẹ vợ tại Đ, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam- Đà Nẵng (cũ). Cũng từ thời gian này vợ chồng ông bắt đầu canh tác, quản lý đất, khai phá thêm phần diện tích đất bỏ hoang, trồng khoai, sắn, mít và các loại cây ăn quả khác nên mới có diện tích đất như ngày nay. Đến năm 1987, vợ chồng ông xây dựng nhà ở và sinh sống từ đó đến nay. Quá trình sinh sống, vợ chồng ông đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất

và đã chuyển đổi từ loại đất màu lên đất ở và đất trồng cây hàng năm. Thực hiện chủ trương của Nhà nước, năm 1996, vợ chồng ông đã kê khai theo Nghị định 64/CP của Chính phủ và được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/12/1996 với tổng diện tích đất là 1.414m² loại đất ở và đất vườn, tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 12. Sổ đỏ do ông quản lý, cất giữ. Tuy nhiên do ông bị bệnh nên không nhớ để ở đâu cho đến nay vẫn chưa tìm thấy. Trong quá trình sinh sống tại thửa đất này, vợ chồng ông cũng là người trực tiếp đóng đầy đủ các loại thuế cho Nhà nước. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng ông, ông đề nghị Tòa xem xét đến công sức của vợ chồng ông như công khai hoang, gìn giữ, bảo quản, chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất màu thành đất ở và đất trồng cây hàng năm và đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước từ năm 1983 đến nay, làm nhà ở sinh sống ổn định trên 40 năm không có ai trong gia đình tranh chấp. Vì công sức của vợ chồng ông quá lớn nên ông đề nghị Tòa án trích công sức cho vợ chồng ông 50% tổng giá trị tài sản. Về hiện vật vợ chồng ông xin được nhận 01 lô đất tái định cư lô số F, đường T, phường H, quận C và 160 m² đất ở còn lại tại tổ B, H, quận C. Phần được hưởng giá trị công sức đóng góp của ông, ông tự nguyện giao cho vợ ông là bà Nguyễn Thị T1 được toàn quyền quản lý, sở hữu và định đoạt.

+ Bà Đỗ Thị Kim C trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn T. Trước dây vợ chồng bà có xây dựng một ngôi nhà trên mảnh đất thừa kế, liên quan đến phần đất đai bà không có ý kiến gì. Số tiền đền bù giải tỏa vật kiến trúc của ngôi nhà do vợ chồng bà xây dựng đã được Ban giải tỏa đền bù quận C chi trả cho vợ chồng bà và đã nhận đủ. Liên quan đến đất đai do ông H khởi kiện bà không liên quan.

+ Bà Lưu Thị H3, Ban giải phóng mặt bằng quận C, Ủy ban nhân đân quận C, thành phố Đà Nẵng đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DSST ngày 02/02/2024, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1. Tuyên xử:

1. Công nhận khối di sản gồm quyền sử dụng đất thửa đất số 32, tờ bản đồ 51 nay là thửa đất số 114, tờ bản đồ số 12 (Theo sơ đồ VN2000)) có diện tích 664m²; 03 lô đất tái định cư gồm lô đất số 619 và lô 620 phân khu B2-27 đường 15m (GDD2-PK2), nay là đường T, phường H, quận C. thành phố Đà Nẵng, diện tích 100m² và 01 lô đất số 281 phân khu B2-3 đường 7,5m thuộc Khu E2 mở rộng. Khu dân cư N cầu C, thành phố Đà Nẵng, diện tích 100m² (nay là đường N, phường H, quận C. thành phố Đà Nẵng) và số tiền đền bù về đất là 1.369.216.730 đồng là di sản của cụ ông Nguyễn Văn M1 và cụ bà Lê Thị Y.

2. Về giao hiện vật:

2.1. Giao cho bà Nguyễn Thị T1 được quyền sở hữu, sử dụng đối với 01 ngôi nhà cấp 4 có kết cấu tường xây, mái lợp tôn, nền gạch men, diện tích 48,7m² tọa lạc trên thửa đất số 32, tờ bản đồ số 51 (nay là thửa đất số 114, tờ bản đồ số 12

(theo sơ đồ VN2000)), có diện tích 341.9m² (trong đó 80m² đất ở, 261.9m² đất trồng cây hằng năm) (Ký hiệu A theo sơ đồ kèm theo Bản án), có tứ cận: phía Đông giáp mương thoát nước; phía Tây giáp đường G đường N đi KDC P; phía Bắc giáp đường bê tông kiệt Nguyễn Như Đ; phía Nam giáp phần đất giao cho ông Nguyễn Văn T (Ký hiệu B theo sơ đồ) và 01 lô đất tái định cư số: 619 phân khu B đường T, Khu E mở rộng, KDC Nam Cầu C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng có tứ cận: Phía Đông giáp đường T, phía Tây giáp mương thoát nước, phía Bắc giáp lô 618 đường T, phía Nam giáp lô F đường T.

Bà Nguyễn Thị T1 được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.2. Giao cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng diện tích đất 322,1m² (trong đó 80m² đất ở, 242,1m² đất trồng cây hằng năm) tọa lạc trên thửa đất số 32, tờ bản đồ số 51 (nay là thửa đất số 114, tờ bản đồ số 12 (theo sơ đồ VN2000)) (Ký hiệu B theo sơ đồ kèm theo bản án), có tứ cận: phía Đông giáp mương thoát nước, phía Tây giáp đường G đường N đi KDC P; phía Bắc giáp thửa đất giao cho bà Nguyễn Thị T1 có ký hiệu B theo sơ đồ kèm theo bản án; phía Nam giáp đất của ông Phùng Văn L2.

Ông Nguyễn Văn T được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.3. Giao cho ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng đối với lô đất số 620 phân khu B đường T, Khu E mở rộng, KDC Nam Cầu C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng có tứ cận: phía Đông giáp đường T, phía Tây giáp mương thoát nước, phía Bắc giáp lô 619 đường T, phía Nam giáp lô F đường T.

Ông Nguyễn Văn H được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.4. Giao cho bà Nguyễn Thị T2 được quyền sử dụng đối với lô đất số 281 phân khu B đường 7,5m thuộc Khu E2 mở rộng. Khu dân cư N cầu C, thành phố Đà Nẵng, diện tích 100m² (nay là đường N. phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) có tứ cận: phía Đông giáp mương thoát nước; phía Tây giáp đường N, phía Bắc giáp lô 281 đường N; phía Nam giáp lô số B đường N.

Bà Nguyễn Thị T2 được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ thối trả:

3.1. Bà Nguyễn Thị T1 phải thối trả cho bà Lưu Thị H3 số tiền 2.649.223.684 đồng (Hai tỷ sáu trăm bốn mươi chín triệu hai trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm tám bốn đồng).

3.2. Bà Nguyễn Thị T1 phải thối trả cho bà Nguyễn Thị T2 số tiền 174.459.753 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm năm chín nghìn bảy trăm năm ba đồng).

3.3. Ông Nguyễn Văn T phải thối trả cho bà Nguyễn Thị T2 số tiền 596.487.616 đồng (Năm trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

3.4. Ông Nguyễn Văn H phải thối trả cho bà Nguyễn Thị T2 số tiền 355.176.316 đồng (Ba trăm năm mươi lăm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm mười sáu đồng).

4. Bà Nguyễn Thị T1 được quyền liên hệ với Ban giải phóng mặt bằng quận C, thành phố Đà Nẵng để nhận số tiền bồi thường 1.369.216.730 đồng (Một tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu hai trăm mười sáu nghìn bày trăm ba mươi đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 06/02/2024, 16/02/2024 và ngày 19/02/2024, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T kháng cáo Bản án sơ thẩm.

- Tại Bản án phúc thẩm số 127/2024/DS-PT ngày 04/7/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 04/2024/QĐ-SCBSBA ngày 21/8/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1.

3. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

4. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DSST ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4.1 Giao cho bà Nguyễn Thị T1 được quyền sở hữu, sử dụng 01 ngôi nhà cấp 4 có kết cấu tường xây, mái lợp tôn, nền gạch men, diện tích 48,7m² tọa lạc trên thửa đất số 32, tờ bản đồ số 12 nay là thửa đất số 114, tờ bản đồ số 51(theo sơ đồ VN2000), có diện tích 341,9m² (trong đó 80m² đất ở: 261,9m² đất trồng cây hằng năm), trị giá 3.436.840.700 đồng. Có tứ cận: phía Đông giáp mương thoát nước, phía Tây giáp đường G đường N đi KDC P; phía Bắc giáp đường bê tông kiệt Nguyễn Như Đ, phía Nam giáp phần đất giao cho ông Nguyễn Văn T (Ký hiệu A, có sơ đồ cụ thể kèm theo) và 01 lô đất tái định cư số: 619, diện tích 100m², phân khu B đường T, Khu E mở rộng, KDC Nam Cầu C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, trị giá 3.004.400.000 đồng. Có tứ cận: phía Đông giáp đường T, phía Tây giáp mương thoát nước, phía Bắc giáp lô 618 đường T, phía Nam giáp lô F đường T.

4.2. Giao cho ông Nguyễn Văn T được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 322,1m² (trong đó 80m² đất ở; 242,1m² đất trồng cây hàng năm) tọa lạc trên thửa đất số 32, tờ bản đồ số 12 nay là thửa đất số 114, tờ bản đồ số 51 (theo sơ đồ VN2000), trị giá 3.245.711.300 đồng. Có tứ cận: phía Đông giáp mương thoát nước, phía Tây giáp đường G đường N đi KDC P, phía Bắc giáp thửa đất giao cho bà Nguyễn Thị T1, phía Nam giáp đất của ông Phùng Văn L2 (Kỳ hiệu B, có sơ đồ cụ thể kèm theo).

4.3. Giao cho ông Nguyễn Văn H được quyền sở hữu, sử dụng đối với lô đất số 620, diện tích 100m², phân khu BH2-27 đường T, Khu E mở rộng, KDC Nam Cầu C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, trị giá 3.004.400.000 đồng. Có tứ

cận: phía Đông giáp đường T, phía Tây giáp mương thoát nước, phía Bắc giáp lô 619 đường T, phía Nam giáp lô F đường T.

4.4. Giao cho bà Nguyễn Thị T2 được quyền sở hữu, sử dụng đối với lô đất số 281, diện tích 100m², phân khu B2-3 đường 7,5m thuộc Khu E2 mở rộng. Khu dân cư N cầu C, thành phố Đà Nẵng. (Nay là đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) trị giá 1.523.100.000 đồng. Có tứ cận: phía Đông giáp mương thoát nước, phía Tây giáp đường N; phía Bắc giáp lô B đường N, phía Nam giáp lô số 282 đường N.

4.5. Các đương sự khi được giao quyền sử dụng đất được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.6. Bà Nguyễn Thị T1 được quyền liên hệ với Ban giải phóng mặt bằng quận C, thành phố Đà Nẵng để nhận số tiền bồi thường 1.369.216.730 đồng (Một tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu hai trăm mười sáu nghìn bảy trăm ba mươi đồng) sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ thối trả cho bà Lưu Thị H3 số tiền 1.576.989.939 đồng (Một tỷ năm trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm tám chín ngàn chín trăm ba mươi chín đồng).

5.1. Ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thối trả cho bà Lưu Thị H3 số tiền 760.560.370 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu năm trăm sáu mươi ngàn ba trăm bảy mươi đồng).

5.2. Ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thối trả cho bà Nguyễn Thị T2 số tiền 147.600.621 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm ngàn sáu trăm hai mươi mốt đồng).

5.3. Ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ thối trả cho bà Nguyễn Thị T2 số tiền 666.849.691 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm chín mươi mốt đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí và các chi phí tố tụng khác.

- Ngày 11 và ngày 14/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được đơn của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T2, bà Lưu Thị H3 đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định số 07/QĐ-VKS-DS ngày 17/01/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm theo hướng sửa Bản án dân sự phúc thẩm số 127/2024/DS-PT ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vợ chồng cụ Nguyễn Văn M1 (chết năm 1981) và cụ Lê Thị Y (chết năm 1991) có 05 người con chung gồm: ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn L (ông L chết năm 2010, có vợ là Lưu Thị H3 và không có con). Cụ M1 và cụ Y không có con riêng hoặc con nuôi nào khác.

[2] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (đã có hiệu lực pháp luật) đã quyết định: *"... Công nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Lê Thị Y là thửa đất số 32, tờ bản đồ số 12, diện tích 1641,7m^2 tại tổ B phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng cho đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T1 và thừa kế của ông Nguyễn Văn L là bà Lưu Thị H3"*. Như vậy, có cơ sở xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Lê Thị Y là thửa đất số 32, tờ bản đồ số 12, diện tích 1641,7m^2 tại Tổ B phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Năm 2022, thửa đất trên đã bị thu hồi diện tích 984,9m^2 để thực hiện Dự án đường nối Hòa Thọ T đi khu dân cư P, diện tích đất còn lại 656,8m^2 (đo đạc thực tế 664m^2). Đối với diện tích đất thu hồi được bồi thường số tiền về đất 1.369.216.730 đồng và bồi thường 03 lô đất tái định cư. Tổng giá trị di sản là 15.583.668.730 đồng.

[3] Vợ chồng bà Nguyễn Thị T1 và ông Phùng Văn N sinh sống trên thửa đất số 32, tờ bản đồ số 12 nêu trên từ năm 1983, đến năm 1985 vợ chồng bà T1 xây dựng nhà ở, năm 1990 vợ chồng bà T1 kê khai đất đai theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Khi cha mẹ bà T1 còn sống đã kê khai thửa đất nêu trên là đất màu. Qua thời gian, vợ chồng bà T1 xây dựng nhà và sinh sống liên tục tại đây, đồng thời vợ chồng bà T1 đã tôn tạo đất, đóng thuế hàng năm nên được Nhà nước chuyển đổi từ đất nông nghiệp thành đất ở như hiện nay. Do đó, đã làm tăng đáng kể giá trị quyền sử dụng đất. Vì vậy, Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, thanh toán cho bà T1 công sức tôn tạo, làm tăng giá trị di sản là 10% và tiền bảo quản di sản 15%, tổng cộng 25% trên tổng di sản là phù hợp. Nội dung kháng nghị cho rằng cần tính công sức của bà T1 bằng 15% giá trị di sản thừa kế như Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên, là chưa tương xứng với công sức bảo quản và tôn tạo di sản thừa kế của bà T1.

[4] Ngôi nhà thờ trên diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi không phải do cá nhân ông H xây dựng mà do các anh chị em ông H cùng xây dựng và số tiền xây dựng nhà được lấy từ tiền đền bù giải tỏa, không phải tiền của cá nhân ông H. Điều này được ông H xác nhận tại Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng: *"Năm 1992, khi nhận được tiền đền bù đối với thửa đất do cha mẹ ông để lại tại thôn P, xã H (cũ) thì các anh chị em ông có dùng số tiền này để xây dựng một ngôi nhà trên đất tại tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng để làm nhà thờ và cho em ông là ông Nguyễn Văn L ở"* (bl 04-05). Mặt khác, cụ M1 và cụ Y có 03 con trai là ông T, ông H và ông L, ông L đã chết, hiện ông T và ông H còn sống và đều cư trú tại địa phương, đều được chia thừa kế mỗi người một lô đất. Do đó, nội dung kháng nghị cho rằng cần

trích 10% di sản thừa kế cho ông H để chăm lo mồ mả và sắp xếp nơi thờ cúng là không có cơ sở.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 1 Điều 343, Điều 348, Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 07/QĐ-VKS-DS ngày 17/01/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 127/2024/DS-PT ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, về việc *"Tranh chấp di sản thừa kế"* giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H với bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (để biết);
- TAND quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Vụ GĐT-TT; Phòng HCTP.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Huy Đức